TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08/2022/DS-ST
Ngày 22/ 6 /2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm Văn Miền

-Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/6/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TH mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, phường Lý T Tổ, quận Hoàn Kiếm, T phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đức T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam G; địa chỉ: 117 Trần Phú, T phố Pleiku, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phạm T T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh G. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Mai H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh G, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, ông Phạm T T có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/8989903/HĐTD với Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ vay số tiền 450.000.000 đồng (bằng

chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất được hai bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 26/10/2018 đến ngày 26/9/2019, mục đích vay để đầu tư chăm sóc nương rẫy.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Phạm T T và vợ là bà Lê Thị Mai H có thế chấp cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ tài sản: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100 tại Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 679450 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10 tháng 3 năm 2015 mang tên ông Vũ Đình Tứ và bà Nguyễn Thị Hải. Ngày 12/12/2016 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H)*.

Trong quá trình vay, từ ngày 26/10/2018 cho đến nay ông Phạm T T có trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ 18.103.561 đồng (bằng chữ: Mười tám triệu một trăm linh ba ngàn năm trăm sáu mốt đồng) tiền lãi.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và mời ông T đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T không thực hiện. Do đó, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm T T phải trả các khoản nợ gồm:

+ Nợ gốc 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng);*

+ Nợ lãi 230.659.521đ *(Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mười chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)* tính đến ngày 22/6/2022, sau khi trừ khoản tiền lãi ông T đã trả.

+ Lãi phát sinh từ ngày 23/6/2022 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ vay tại Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm T T không tự nguyện trả nợ, Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Phạm Thài T phải chịu theo quy định pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm T T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mai H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt nên hồ sơ vụ án không có ý kiến của ông T và bà H.

Theo kết quả xác minh thể hiện ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh G, nhưng hiện không làm ăn, sinh sống tại địa pH.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đức T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Phạm T T phải trả các khoản nợ gồm:

+ Nợ gốc 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng);*

+ Nợ lãi 230.659.521đ *(Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mười chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)* tính đến ngày 22/6/2022, sau khi trừ khoản tiền lãi ông T đã trả.

+ Lãi phát sinh từ ngày 23/6/2022 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp ông Phạm T T không tự nguyện trả nợ, Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+Buộc ông Phạm T T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

-Bị đơn ông Phạm T T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mai H đều vắng mặt, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

-Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên như sau:

+Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, đại diện nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+Về giải quyết nội dung vụ án.

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ cung cấp, thể hiện ông Phạm T T có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ để vay số tiền 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông T và vợ là bà Lê Thị Mai H đã thế chấp tài sản là Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100 tại Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G. Tuy nhiên sau khi vay, ông Hải không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

+Buộc ông Phạm T T phải trả 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)* nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tính đến ngày 22/6/2022 và tuyên ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông T và bà H đã thế chấp là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100 tại địa chỉ Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G.

+Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm T T phải chịu theo pháp luật quy định và hoàn trả số tiền tạm ứng mà cho Ngân hàng đã nộp.

+Về án phí:Buộc ông Phạm T T phải chịu theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng tH mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm T T phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi do ông T không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phạm T T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mai H tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T và bà H đều vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/8989903/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2018 và và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8989903/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2016 và các chứng cứ khác do Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ cung cấp thể hiện:

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 ông Phạm T T ký hợp đồng tín dụng vay 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)* của Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ với lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 26/10/2018, mục đích vay để đầu tư chăm sóc nương rẫy và thỏa thuận trả nợ gốc vào ngày 26/9/2019.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Phạm T T và vợ là bà Lê Thị Mai H đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất sau: Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100 tại Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 679450 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/03/2015 mang tên ông Vũ Đình Tứ và bà Nguyễn Thị Hải. Ngày 12/12/2016 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H)*.

Sau khi vay cho đến nay, ông Phạm T T chỉ mới trả 18.103.561 đồng *(Mười tám triệu một trăm linh ba ngàn năm trăm sáu mốt đồng)* tiền lãi mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đúng như cam kết được ghi trong Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và yêu cầu, nhưng ông T không thực hiện trả nợ, Do đó ông T đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở. Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Buộc ông Phạm T T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ các khoản sau:

+ Về trả nợ gốc: **450.000.000** đ *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng);*

+ Về trả nợ lãi phải trả tính đến hết ngày 22/6/2022 là: **248.763.082** đ *(Hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không trăm rám mươi hai đồng)*, khấu trừ **18.103.561** đ *(Mười tám triệu một trăm linh ba ngàn năm trăm sáu mốt đồng)* đã trả, buộc ông T tiếp tục trả tiền lãi là: **230.659.521**đ *(Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)*.

Tổng nợ gốc và nợ lãi phải trả đến ngày xét xử (22/6/2022)là: **680. 659.521**đ *(Sáu trăm tám mươi triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)*.

Cần tuyên ông Phạm T T phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm T T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản của ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H đã thế chấp là:

Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100 tại Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 679450 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/03/2015 mang tên ông Vũ Đình Tứ và bà Nguyễn Thị Hải. Ngày 12/12/2016 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2022, trên thửa đất này được trồng cây cà phê nhưng bị bỏ hoang không được chăm sóc, khai thác sử dụng đã bị cỏ, cây rừng mọc xen lẫn và theo ý kiến của Công chức địa chính xã Ia lang, huyện Đ cho biết, đến thời điểm thẩm định, thửa đất trên không có ai tranh chấp và Ý kiến của Cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G- Chi nhánh huyện Đ, hiện trạng thửa đất trên có vị trí và ranh giới phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 4.300.000đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, nên Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ, nên cần buộc ông Phạm T T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ, nhưng Ngân hàng đã nộp tạm ứng đủ, do đó cần buộc ôngT phải hoàn trả cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên buộc ông Phạm T T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tH mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Buộc ông Phạm T T phải trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua – Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ các khoản nợ sau:

+ Nợ gốc: **450.000.000 đ** *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng);*

+ Nợ lãi tính đến hết ngày 22/6/2022: **230.659.521đ** *(Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)*.

Tổng cộng: **680. 659.521đ** *(Sáu trăm tám mươi triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng)* và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/6/2022 cho đến khi ông Phạm T T trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.Trường hợp ông Phạm T T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H đã thế chấp theo hợp đồng bất động sản số: 01/2016/8989903/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2016 để thu hồi nợ là: Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100 tại Làng Le II, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 679450 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/03/2015 mang tên ông Vũ Đình Tứ và bà Nguyễn Thị Hải. Ngày 12/12/2016 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm T T và bà Lê Thị Mai H.

4.Buộc ông Phạm T T phải trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh Nam G – Phòng giao dịch Đ **4.300.000đ** tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ.

5.Buộc ông Phạm T T phải chịu **31.226.380đ** *(Ba mươi mốt triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6.Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là **14.229.643đ** *(Mười bốn triệu hai trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006572 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh G.

7.Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; Nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh